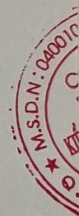




**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 480300042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2022: 11.000.000.000 đồng.

Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 62 3816 118
- Fax: (84) 62 3817 595
- Website: www.stbbt.com.vn

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 36 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

#### Hội đồng quản trị

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Văn Hưng     | Chủ tịch   | Bỏ nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Nguyễn Văn So     | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Vũ Bùi Biển       | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Nguyễn Minh Hà    | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |

#### Ban kiểm soát

- |                       |            |                              |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Huy Kiên     | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Lê Trung Nhân   | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Vương Trí Thịnh | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 28/05/2020     |

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                |                              |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Minh Hà    | Giám đốc       | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Trần Hữu Sơn      | Phó Giám đốc   | Bỏ nhiệm ngày 01/10/2020     |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |

#### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

#### Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bình Thuận, ngày 12 tháng 08 năm 2022



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 821/2022/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2022 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2022

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

307  
NG  
N.H  
INVA  
A  
11-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

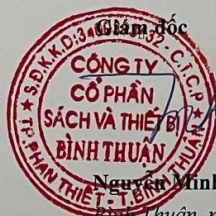
Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.842.939.567</b>	<b>20.061.605.935</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>810.491.468</b>	<b>4.351.087.513</b>
1. Tiền	111		810.491.468	2.351.087.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.195.366.197</b>	<b>6.199.071.486</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.923.718.868	5.778.468.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	95.039.369	179.550.178
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	39.000.000	55.714.996
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	314.690.731	373.306.475
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(177.082.771)	(187.968.401)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>17.830.084.851</b>	<b>7.511.446.936</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.020.001.892	7.701.363.977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(189.917.041)	(189.917.041)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.997.051</b>	<b>-</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.997.051	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.068.729.661</b>	<b>1.086.873.383</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>494.860.861</b>	<b>513.004.583</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	494.860.861	513.004.583
- Nguyên giá	222		3.479.933.936	3.437.883.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.985.073.075)	(2.924.879.353)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>573.868.800</b>	<b>573.868.800</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(154.051.200)	(154.051.200)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>30.911.669.228</b>	<b>21.148.479.318</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.096.873.043</b>	<b>6.803.691.639</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.096.873.043</b>	<b>6.803.691.639</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.526.611.844	4.532.203.688
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	224.110.754	116.472.621
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	83.627.948	183.670.630
4. Phải trả người lao động	314		666.068.204	1.252.074.553
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.952.400	45.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45.454.546	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.163.933	22.989.933
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	352.630.720	342.630.720
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		186.252.694	308.649.494
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.814.796.185</b>	<b>14.344.787.679</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>13.814.796.185</b>	<b>14.344.787.679</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	1.999.123.163	1.779.123.163
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	703.263.011	1.453.254.505
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		133.254.505	139.224.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		570.008.506	1.314.029.592
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>30.911.669.228</b>	<b>21.148.479.318</b>



Nguyễn Minh Hà  
Bình Thuận, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyên

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	30.391.957.972	31.886.930.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.058.377.951	375.811.633
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		29.333.580.021	31.511.118.884
4. Giá vốn hàng bán	11	25	25.466.485.726	27.142.720.160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>3.867.094.295</b>	<b>4.368.398.724</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	53.071.273	139.816.880
7. Chi phí tài chính	22	27	167.990.142	156.149.088
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.952.400	19.770.838
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	2.204.300.664	2.430.282.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	827.959.529	965.960.677
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>719.915.233</b>	<b>955.823.707</b>
11. Thu nhập khác	31	29	2.548.093	9.152.742
12. Chi phí khác	32		32.444	2.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		<b>2.515.649</b>	<b>7.152.742</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>722.430.882</b>	<b>962.976.449</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	152.422.376	192.395.290
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>570.008.506</b>	<b>770.581.159</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	518	701
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	518	701



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2022	năm 2021
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	24.323.120.090	18.596.738.381
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(26.270.094.476)	(22.891.775.574)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.263.437.016)	(2.177.576.132)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(19.770.838)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 18	(131.259.857)	(95.300.423)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	933.186.978	1.064.142.802
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.089.108.307)	(1.136.713.372)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.497.592.588)</b>	<b>(6.660.255.156)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(42.050.000)	-
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.016.714.996	6.049.336.994
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 8,26	72.331.547	186.375.213
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.046.996.543</b>	<b>6.235.712.207</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33 20	60.000.000	1.175.570.610
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 20	(50.000.000)	(1.110.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 21	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.090.000.000)</b>	<b>(1.034.429.390)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(3.540.596.045)</b>	<b>(1.458.972.339)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	4.351.087.513	2.127.399.521
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 5</b>	<b>810.491.468</b>	<b>668.427.182</b>



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyển

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyển

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

### 4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### **4.11 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### **4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%. Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng có thuế suất 10% theo Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	271.910.000	38.321.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	538.581.468	2.312.766.513
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>810.491.468</b>	<b>4.351.087.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2022	01/01/2022
Nguyễn Thị Tuyết	756.551.787	2.549.050
Nguyễn Thị Ngọc	684.049.075	2.823.053
Các đối tượng khác	9.483.118.006	5.773.096.135
<b>Cộng</b>	<b>10.923.718.868</b>	<b>5.778.468.238</b>

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	70.028.400	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Tân Thuận Tiến	24.992.569	-
Các đối tượng khác	18.400	179.550.178
<b>Cộng</b>	<b>95.039.369</b>	<b>179.550.178</b>

**8. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Bà Trương Thị Huệ	39.000.000	39.000.000
Các đối tượng khác	-	16.714.996
<b>Cộng</b>	<b>39.000.000</b>	<b>55.714.996</b>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	64.215.000	-	7.880.000	-
Ký quỹ, ký cược	239.329.111	-	346.166.201	-
Lãi dự thu	-	-	19.260.274	-
Phải thu khác	11.146.620	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>314.690.731</b>	<b>-</b>	<b>373.306.475</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn	177.082.771	187.968.401
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	910.500	7.373.116
- Từ 1 năm đến 2 năm	6.922.983	91.675.883
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	10.951.287	35.842.486
- Từ 3 năm trở lên	158.298.001	53.076.916
<b>Cộng</b>	<b>177.082.771</b>	<b>187.968.401</b>

**11. Hàng tồn kho**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	18.020.001.892	(189.917.041)	7.701.363.977	(189.917.041)
<b>Cộng</b>	<b>18.020.001.892</b>	<b>(189.917.041)</b>	<b>7.701.363.977</b>	<b>(189.917.041)</b>

- Giá trị HTK kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022 là 189.917.041 đồng. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2022.

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	370.415.000	3.437.883.936
Mua sắm trong kỳ	-	-	42.050.000	42.050.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.984.596.285</b>	<b>1.082.872.651</b>	<b>412.465.000</b>	<b>3.479.933.936</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.534.820.281	1.024.271.572	365.787.500	2.924.879.353
Khấu hao trong kỳ	14.746.752	39.067.386	6.379.584	60.193.722
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.549.567.033</b>	<b>1.063.338.958</b>	<b>372.167.084</b>	<b>2.985.073.075</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	449.776.004	58.601.079	4.627.500	513.004.583
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>435.029.252</b>	<b>19.533.693</b>	<b>40.297.916</b>	<b>494.860.861</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 1.928.000.570 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**13. Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

**14. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số đánh cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 210.725.800 đồng.
- Không có BĐS đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	30/06/2022			01/01/2022			Giá trị hợp lý
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-	
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	(154.051.200)	273.868.800	427.920.000	(154.051.200)	273.868.800	
<b>Cộng</b>				<b>727.920.000</b>	<b>(154.051.200)</b>	<b>273.868.800</b>	<b>727.920.000</b>	<b>(154.051.200)</b>	<b>273.868.800</b>	

- (i) Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá thị trường Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/06/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.620.505.900	378.543.114
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	7.468.042.404	1.838.199.310
Các đối tượng khác	3.438.063.540	2.315.461.264
<b>Cộng</b>	<b>15.526.611.844</b>	<b>4.532.203.688</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Chung Công ty đầu tư	133.413.192	198.319.649
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	4.620.505.900	378.543.114
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	7.468.042.404	1.838.199.310
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	153.364.190	423.369.370
<b>Cộng</b>		<b>12.375.325.686</b>	<b>2.838.431.443</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
Nguyễn Thị Bích Dung	30.169.000	-
Nhà sách Tú Quỳnh	29.859.822	-
Phạm Thị Cúc	26.713.000	-
Các đối tượng khác	137.368.932	116.472.621
<b>Cộng</b>	<b>224.110.754</b>	<b>116.472.621</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	59.920.326	-	59.920.326	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.939.375	152.422.376	131.259.857	78.101.894
Thuế thu nhập cá nhân	66.810.929	41.876.040	103.160.915	5.526.054
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	40.707.136	40.707.136	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>183.670.630</b>	<b>240.005.552</b>	<b>340.048.234</b>	<b>83.627.948</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	4.834.000	22.569.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	420.933	420.933
Phải trả khác	909.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.163.933</b>	<b>22.989.933</b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Ông Nguyễn Quang Kiệt	142.028.780	-	-	142.028.780
Ông Nguyễn Văn Thành	183.601.940	60.000.000	50.000.000	193.601.940
Công đoàn Công ty	17.000.000	-	-	17.000.000
<b>Cộng</b>	<b>342.630.720</b>	<b>60.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>352.630.720</b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	11.000.000.000	112.410.011	1.748.741.163	1.239.224.913	14.100.376.087
Tăng trong kỳ	-	-	30.382.000	1.519.108.592	1.549.490.592
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.305.079.000	1.305.079.000
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.779.123.163</b>	<b>1.453.254.505</b>	<b>14.344.787.679</b>
Số dư tại 01/01/2022	11.000.000.000	112.410.011	1.779.123.163	1.453.254.505	14.344.787.679
Tăng trong kỳ	-	-	220.000.000	570.008.506	790.008.506
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.320.000.000	1.320.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2022</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.999.123.163</b>	<b>703.263.011</b>	<b>13.814.796.185</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2022	01/01/2022
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

10/01/2022

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.453.254.505	1.239.224.913
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	570.008.506	770.581.159
Phân phối lợi nhuận	1.320.000.000	1.100.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.320.000.000	1.100.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	220.000.000	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.100.000.000	1.100.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>703.263.011</b>	<b>909.806.072</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 30/NQ-ĐHCD-2021 ngày 06/04/2022.

#### f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 06/04/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 1.100.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2022.

#### 22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECI	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	87.545.924	Nợ không thu hồi được
<b>Cộng</b>	<b>305.233.177</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu bán sách giáo khoa	23.117.288.042	24.321.425.193
Doanh thu bán sách tham khảo	713.864.760	547.437.502
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.399.919.701	2.565.788.350
Doanh thu bán hàng hóa khác	4.151.794.560	4.406.824.926
Doanh thu cho thuê văn phòng	9.090.909	45.454.546
<b>Cộng</b>	<b>30.391.957.972</b>	<b>31.886.930.517</b>

**24. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Hàng bán bị trả lại	1.058.377.951	375.811.633
<b>Cộng</b>	<b>1.058.377.951</b>	<b>375.811.633</b>

**25. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn sách giáo khoa	20.271.740.042	21.847.918.599
Giá vốn sách tham khảo	438.217.482	351.633.540
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.734.943.011	2.050.964.511
Giá vốn hàng hóa khác	3.021.585.191	3.237.063.771
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(344.860.261)
<b>Cộng</b>	<b>25.466.485.726</b>	<b>27.142.720.160</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.071.273	109.816.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>53.071.273</b>	<b>139.816.880</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**27. Chi phí tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>
Chi phí lãi vay	5.952.400	19.770.838
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	162.037.742	114.982.250
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	21.396.000
<b>Cộng</b>	<b>167.990.142</b>	<b>156.149.088</b>

**28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>
Chi phí nhân công	1.350.639.757	1.664.783.380
Chi phí khấu hao TSCĐ	45.446.970	43.694.886
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	107.335.900	202.579.270
Các khoản khác	700.878.037	519.224.596
<b>Cộng</b>	<b>2.204.300.664</b>	<b>2.430.282.132</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>	<b>6 tháng đầu năm 2021</b>
Chi phí nhân công	555.121.078	678.981.019
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	84.399.392	74.715.817
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.746.752	14.746.752
Các khoản khác	173.692.307	197.517.089
<b>Cộng</b>	<b>827.959.529</b>	<b>965.960.677</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**29. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Thu nhập từ trung bày, quảng cáo	2.272.727	9.090.909
Thu nhập khác	275.366	61.833
<b>Cộng</b>	<b>2.548.093</b>	<b>9.152.742</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	722.430.882	962.976.449
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	39.681.000	(1.000.000)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	39.681.000	29.000.000
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận được chia)	-	30.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	762.111.882	961.976.449
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>152.422.376</b>	<b>192.395.290</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	152.422.376	192.395.290
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	570.008.505	770.581.159
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	570.008.505	770.581.159
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>518</b>	<b>701</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân công	1.905.760.835	2.343.764.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.193.722	58.441.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.918.990	417.807.940
Chi phí khác bằng tiền	977.272.276	576.228.832
<b>Cộng</b>	<b>3.043.145.823</b>	<b>3.396.242.809</b>

### 33. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Công ty thường vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và được xác định tại thời điểm nhận nợ. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>30/06/2022</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	15.526.611.844	-	15.526.611.844
Chi phí phải trả	5.952.400	-	5.952.400
Vay và nợ thuê tài chính	352.630.720	-	352.630.720
Phải trả khác	909.000	-	909.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.886.103.964</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.886.103.964</u></b>
<u>01/01/2022</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	4.532.203.688	-	4.532.203.688
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	342.630.720	-	342.630.720
<b>Cộng</b>	<b><u>4.919.834.408</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.919.834.408</u></b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2022</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	810.491.468	-	810.491.468
Đầu tư tài chính	-	573.868.800	573.868.800
Phải thu khách hàng	10.785.636.097	-	10.785.636.097
Phải thu khác	250.475.731	-	250.475.731
<b>Cộng</b>	<b><u>11.846.603.296</u></b>	<b><u>573.868.800</u></b>	<b><u>12.420.472.096</u></b>
<u>01/01/2022</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.351.087.513	-	4.351.087.513
Đầu tư tài chính	-	573.868.800	573.868.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.640.385.467	-	5.640.385.467
Phải thu về cho vay	5.829.366	-	5.829.366
Phải thu khác	365.426.475	-	365.426.475
<b>Cộng</b>	<b><u>12.362.728.821</u></b>	<b><u>573.868.800</u></b>	<b><u>12.936.597.621</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 34. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

		Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam		Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh		Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh		Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam		Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc Hà Nội		Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam		Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	18.340.224.589	17.471.379.695
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	10.484.760	701.033.000
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	304.660.444	680.334.905
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	8.993.714.236	9.012.969.803

#### c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Nội dung	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	7.500.000	9.200.000
Nguyễn Văn So	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.400.000
Nguyễn Minh Hà	Giám đốc	Lương, thưởng	134.877.200	77.983.000
	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.600.000
Nguyễn Khoa Tuyển	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.800.000
Vũ Bùi Biền	Thành viên HĐQT	Thù lao	6.000.000	8.000.000
Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	89.418.300	57.773.000
Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	4.000.000	4.000.000
Lê Trung Nhân	Thành viên BKS	Thù lao	3.600.000	3.600.000
Vương Trí Thịnh	Thành viên BKS	Thù lao	3.600.000	3.600.000



